

Số: 45090/CTHN-TTHT

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2022

V/v giải đáp quy định về thuế GTGT

Kính gửi: Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - Công ty cổ phần

Trả lời công văn số 1950/TCTKT ghi ngày 24/8/2022 của Tổng công ty Chuyển phát nhanh Bưu điện - Công ty cổ phần đề nghị hướng dẫn về chính sách thuế liên quan đến thuế GTGT, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/06/2010 của Quốc Hội quy định.

+ Tại Điều 3 quy định về giải thích từ ngữ:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hoạt động bưu chính gồm các hoạt động đầu tư, kinh doanh, cung ứng; sử dụng dịch vụ bưu chính, dịch vụ bưu chính công ích, tem bưu chính.

2. Bưu gửi bao gồm thư; gói, kiện hàng hóa được chấp nhận, vận chuyển và phát hợp pháp qua mạng bưu chính.

3. Dịch vụ bưu chính là dịch vụ chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi bằng các phương thức từ địa điểm của người gửi đến địa điểm của người nhận qua mạng bưu chính, trừ phương thức điện tử.

...

9. Mạng bưu chính là hệ thống cơ sở khai thác bưu gửi, điểm phục vụ bưu chính được kết nối bằng các tuyến vận chuyển và tuyến phát để cung ứng dịch vụ bưu chính.

10. Mạng bưu chính công cộng là mạng bưu chính do Nhà nước đầu tư và giao cho doanh nghiệp được chỉ định quản lý, khai thác.

...

17. Người gửi là tổ chức, cá nhân có tên tại phần ghi thông tin về người gửi trên bưu gửi, trên hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính.

18. Người nhận là tổ chức, cá nhân có tên tại phần ghi thông tin về người nhận trên bưu gửi, trên hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính...”

+ Tại Điều 8 quy định về Hợp đồng cung ứng và sử dụng bưu chính:

“Điều 8. Hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính

1. Hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính là thỏa thuận giữa doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính và người gửi, theo đó doanh nghiệp chấp nhận, vận chuyển và phát bưu gửi đến địa điểm theo yêu cầu của người gửi và người gửi phải thanh toán giá cước dịch vụ bưu chính.

2. *Hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính được giao kết bằng văn bản hoặc được xác lập bằng hành vi. Dấu ngày hoặc các thông tin xác định thời gian và địa điểm chấp nhận bưu gửi là căn cứ xác định trách nhiệm của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính.*

+ Tại Điều 9 quy định về Hợp đồng cung ứng và sử dụng bưu chính bằng văn bản:

“Điều 9. Hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính bằng văn bản

1. Hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính bằng văn bản phải có những nội dung chính sau đây:

- a) Loại hình dịch vụ bưu chính;*
- b) Khối lượng, số lượng bưu gửi;*
- c) Thời gian, địa điểm và phương thức cung ứng dịch vụ bưu chính;*
- d) Chất lượng dịch vụ bưu chính;*
- đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên;*
- e) Giá cước và phương thức thanh toán;*
- g) Trách nhiệm và mức bồi thường tối đa khi có vi phạm hợp đồng.*

2. Hợp đồng giao kết bằng văn bản phải được lập bằng tiếng Việt; nếu các bên có thỏa thuận sử dụng thêm ngôn ngữ khác thì văn bản bằng tiếng Việt và văn bản bằng ngôn ngữ khác có giá trị pháp lý như nhau.

3. Chứng từ xác nhận việc chấp nhận bưu gửi giữa doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính và người gửi có giá trị pháp lý như hợp đồng giao kết bằng văn bản giữa các bên, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.”

- Căn cứ Nghị định 163/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ logistics.

+ Tại Điều 3 quy định về Phân loại dịch vụ logistics:

“Điều 3. Phân loại dịch vụ logistics

Dịch vụ logistics được cung cấp bao gồm:

...

6. Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan (bao gồm cả dịch vụ thông quan).

7. Dịch vụ khác, bao gồm các hoạt động sau: Kiểm tra vận đơn, dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa, kiểm định hàng hóa, dịch vụ lấy mẫu và xác định trọng lượng; dịch vụ nhận và chấp nhận hàng; dịch vụ chuẩn bị chứng từ vận tải.

8. Dịch vụ hỗ trợ bán buôn, hỗ trợ bán lẻ bao gồm cả hoạt động quản lý hàng lưu kho, thu gom, tập hợp, phân loại hàng hóa và giao hàng.

...

17. Các dịch vụ khác do thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics và khách hàng thỏa thuận phù hợp với nguyên tắc cơ bản của Luật thương mại.”

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày

18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

+ Tại khoản 10 Điều 4 quy định về các đối tượng không chịu thuế GTGT:

“Điều 4. Đối tượng không chịu thuế GTGT

...

10. Dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và Internet phổ cập theo chương trình của Chính phủ; Dịch vụ bưu chính, viễn thông từ nước ngoài vào Việt Nam (chiều đến)...”

Căn cứ các quy định nêu trên và theo trình bày của đơn vị tại công văn hỏi, Cục thuế TP Hà Nội trả lời nguyên tắc như sau:

Trường hợp Công ty ký Hợp đồng Đại lý hải quan cung cấp dịch vụ thông quan cho đối tác, nếu được xác định là dịch vụ bưu chính theo các quy định của Luật Bưu chính và các văn bản pháp luật liên quan thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Khoản 10 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính.

Trường hợp Công ty ký Hợp đồng Đại lý hải quan cung cấp dịch vụ thông quan cho đối tác, nếu không đáp ứng các điều kiện là dịch vụ bưu chính theo quy định của Luật Bưu chính và các văn bản pháp luật liên quan thì thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Công ty thực hiện kê khai tính thuế GTGT theo các quy định về pháp luật thuế GTGT.

Việc xác định dịch vụ thông quan có phải là dịch vụ bưu chính hay không, không thuộc thẩm quyền hướng dẫn của cơ quan Thuế, đề nghị Công ty liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được hỗ trợ, giải quyết.

Trong quá trình thực hiện chính sách thuế, trường hợp còn vướng mắc, Công ty có thể tham khảo các văn bản hướng dẫn của Cục Thuế Tp Hà Nội được đăng tải trên website <http://hanoi.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với Phòng Thanh tra-Kiểm tra số 3 để được hỗ trợ giải quyết.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TTKT 3;
- Phòng NVDTPC;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT(2)

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Tiến Trường